

Bản án số: 99 /2024/HS-ST
Ngày 23 - 5 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Anh Tuấn.
2. Bà Nguyễn Thị Kim Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Sơn Tùng – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Thiện Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 103/2024/TLST-HS ngày 22 tháng 4 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/2024/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 5 năm 2024, đối với bị cáo:

Trần Tuấn C; sinh năm 1995; tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú (nơi đăng ký thường trú: A P, Phường F, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh, chỗ ở: Không có nơi cư trú ổn định); nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Phúc T (Ngô Phú T1) (đã chết) và bà Nguyễn Thị Thanh L (Trần Thị Thanh L1); có vợ Bùi Công Thị Thanh T2 (Bùi Công Thanh T2) và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2016, con nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Ngày 25/10/2012, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” theo bản án số 298/2012/HSST. Ngày 31/8/2013, được đặc xá tha tù trước thời hạn.

- Ngày 19/7/2016, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 18 tháng theo Quyết định số 405/QĐTA. Ngày 25/10/2017, chấp hành xong quyết định.

- Ngày 31/10/2019, Tòa án nhân dân Quận 8 xử phạt 02 năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo bản án số 155/2019/HS-ST. Ngày 20/12/2020, chấp hành xong hình phạt tù. Ngày 18/02/2022, chấp hành xong toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm;

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/8/2023 đến nay. (có mặt)

- Bị hại:

1. Anh Huỳnh Ngọc T3, sinh năm 1985; nơi cư trú (nơi đăng ký thường trú: 163/29/18 L, Phường G, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: C đường số F, khu dân cư G, ấp E, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh). (vắng mặt)

2. Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1978; nơi cư trú (nơi đăng ký thường trú: Tổ B, ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An; chỗ ở: 5 T, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh). (vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Nguyễn Hồng L2, sinh năm 1978; nơi cư trú: T ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

2. Ông Nguyễn Thế T4, sinh năm 1969; nơi cư trú: E H, Phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có nghề nghiệp ổn định, muốn có tiền tiêu xài nên Trần Tuấn C1 đã thực hiện các lần chiếm đoạt tài sản xảy ra trên địa bàn huyện B và Quận H, cụ thể như sau:

Lần thứ 01:

Vào khoảng 07 giờ 30 phút, ngày 17/7/2023, C1 điều khiển xe gắn máy hiệu Exciter (không rõ biển số) đi một mình lòng vòng qua các tuyến đường trên địa bàn huyện B, tìm tài sản sơ hở của người khác để cướp giật. Đến khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày, C1 đang chạy xe trên tuyến đường Q thuộc xã P, huyện B (hướng từ chợ P1 đi ra đường N) thì phát hiện anh Huỳnh Ngọc T3 đang điều khiển xe gắn máy lưu thông theo hướng ngược lại, trên cổ có đeo 01 sợi dây chuyền màu vàng nên C1 nảy sinh ý định cướp giật tài sản. Sau đó, C1 vòng xe quay lại chạy cùng chiều phía sau anh T3, khi đến trước số E Quốc lộ E, ấp E, xã P, huyện B thì C1 áp sát về phía bên phải xe của anh T3 rồi dùng tay trái giật sợi dây chuyền của anh T3 và tăng ga bỏ chạy thoát về hướng chợ P1, xã P. Anh T3 có tri hô và đuổi theo nhưng không kịp. Sau đó, C1 đem sợi dây chuyền vừa cướp giật được đến tiệm V (địa chỉ: B B, Phường E, Quận H) bán cho 01 người phụ nữ (không rõ lai lịch) được 12.300.000 đồng, C1 đã tiêu xài cá nhân hết. Anh T3 đến Công an xã P, huyện B trình báo vụ việc nêu trên.

Chị Trần Hiền D là chủ tiệm V cho biết không có mua sợi dây chuyền trên của Trần Tuấn C1.

Ngày 07/8/2023, Hội đồng định giá tài sản huyện B có kết luận định giá tài sản số B, xác định trị giá 01 sợi dây chuyền vàng 18K, cân nặng 4,676 chỉ là 15.809.556 đồng.

Lần thứ 02:

Vào khoảng 07 giờ, ngày 30/7/2023, C1 chạy trên đường Quốc Lộ 50 đến gần chợ P1, xã P, huyện B thì phát hiện anh Trương Thoại T5 điều khiển xe gắn máy chở vợ là chị Nguyễn Thị Thu H ngồi sau cầm theo 01 túi xách màu xám ghi chữ GCICU để trước bụng anh T5 (bên trong có 02 thiệp cưới và số tiền 100.000 đồng) nên C1 nảy sinh ý định cướp giật tài sản của chị H. Cảnh điều khiển xe gắn máy biển số 70C1-027.30 chạy theo phía sau anh T5 và chị H, khi đến trước số A Cư xá B, Phường E, Quận H, C1 chạy từ phía sau áp sát vào phía bên trái chị H, dùng tay trái giật túi xách của chị H rồi tăng ga tẩu thoát nhưng bị lạc tay lái và té ngã. C1 định dựng xe lên để bỏ chạy thì anh T5 chạy đến đập C1, không cho C1 tẩu thoát. Cảnh bỏ lại xe, vớt lại túi xách, chạy bộ được khoảng 10 mét thì bị ngã nên C1 lấy bình xịt hơi cay trong túi áo khoác xịt vào người dân đuổi theo xung quanh, đồng thời C1 cũng rút dao tự chế ra đe dọa để không bị truy đuổi. C1 chạy vào nhà trọ số 238/2 L, Phường F, Quận H thì bị anh Nguyễn Thanh S yêu cầu C1 ra ngoài. Sau đó, C1 gọi điện thoại cho bạn là Ngô Hoàng P nói là C1 bị đuổi chém, nhờ P chạy đến đón. Sau đó, P chạy xe Wave (không rõ biển số) đến đón C1 đi về. Chai xịt hơi cay C1 mua trên mạng đã vứt bỏ trên đường bỏ chạy. Sau đó, chị H và anh T5 đến Công an P2, Quận H trình báo và giao nộp tài sản của C1 bỏ lại.

Ngày 21/02/2024, Hội đồng định giá tài sản Quận H có kết luận định giá tài sản số A, xác định trị giá 01 túi xách màu xám ghi chữ GCICU, hàng Việt Nam là 70.000 đồng.

Ngoài ra, C1 khai vào khoảng 06 giờ 30 phút, ngày 30/7/2023, C1 điều khiển xe hiệu Exciter, gắn biển số 70C1-027.30 mang theo 01 bình xịt hơi cay, 01 con dao tự chế, đi trên đường N tìm người có tài sản sơ hở để cướp giật. Khi đến giao lộ N giao Phạm H1 thuộc xã B, huyện B, C1 phát hiện 01 người đàn ông (không rõ lai lịch) chạy xe gắn máy hiệu Honda Wave màu đỏ (không rõ biển số) đi ngược chiều với C1 (hướng từ P ra Nguyễn Văn L3), trên cổ đeo 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng nên C1 nảy sinh ý định cướp giật tài sản. C1 quay xe chạy theo người đàn ông đến ngã tư P giao Nguyễn Văn L3 thì C1 chạy xe từ phía sau áp sát phía bên phải người đàn ông rồi dùng tay trái giật sợi dây chuyền trên cổ người này và tăng ga tẩu thoát vào đường N. Người đàn ông tri hô và đuổi theo nhưng không kịp. Sau đó, C1 cất giấu sợi dây chuyền vừa giật được vào túi áo khoác bên hông của C1 đang mặc. Khi thực hiện vụ cướp giật thứ 2 tại địa bàn Quận H, C1 làm rớt lại tại chỗ ngã xe.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 28 ngày 27/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản Quận H, kết luận: 01 dây chuyền bằng kim loại vàng dài 60cm, khối lượng 19,893g, hàm lượng vàng 61,32% Au, trị giá 18.280.340 đồng.

Qua xác minh tại Công an xã B, huyện B cho biết: từ ngày 30/7/2023 đến nay không tiếp nhận ai đến trình báo về việc bị cướp giật tài sản tại giao lộ P - Nguyễn Văn L3 thuộc ấp D, xã B, huyện B.

Ngày 23/12/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện B đã gửi Công văn đăng báo tìm bị hại nhưng chưa có ai liên hệ.

Ngày 18/8/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an Q1 phát hiện Trần Tuấn C1 nên đưa về trụ sở làm việc. Cảnh đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nêu trên.

Ngày 10/10/2023, Phòng K - Công an Thành phố H có bản kết luận giám định số 5814/KL-KTHS kết luận xe biển số: 59Y1-236.16, số khung: RLCE1S9A0CY022030 không bị đục lại số; số máy: 1S9A-022039 không bị đục lại số.

Ngày 10/10/2023, Phòng K - Công an T có bản kết luận giám định số 5806/KL-KTHS kết luận xe biển số: 70C1-027.30, số khung: RLCE1S9A0BY015570 bị mài đục lại số, số máy: 1S9A-015573 bị mài đục lại số, không xác định được số nguyên thủy.

Ngày 23/02/2024, Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an Q1 nhận được Quyết định chuyển vụ án để điều tra theo thẩm quyền của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B đề nghị nhập vụ án hình sự “Cướp giật tài sản” xảy ra ngày 17/7/2023 tại trước số E Quốc lộ E, ấp E, xã P, huyện B do Trần Tuấn C1 thực hiện.

Vật chứng thu giữ:

- 01 túi xách màu xám ghi chữ GCICU, 02 thiệp cưới và số tiền 100.000 đồng là tài sản của chị Nguyễn Thị Thu H bị cướp giật. Ngày 08/03/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q1 đã trả lại cho chị Nguyễn Thị Thu H.

- 01 con dao tự chế của C1 dùng để đi cướp giật tài sản.

- 02 nón bảo hiểm màu trắng có chữ Piaggio của C1 sử dụng khi đi cướp giật tài sản.

- 01 dây chuyền bằng kim loại vàng dài 60cm, trọng lượng 19,893g, hàm lượng 61,32% do C1 giật được ngày 30/07/2023.

- 01 xe gắn máy biển số 59Y1-236.16, số khung: RLCE1S9A0CY022030, số máy: 1S9A-022039. Qua xác minh được biết xe gắn máy trên do anh Lê Trí T6 đứng tên giấy đăng ký xe. Ngày 09/06/2023, anh T6 bán xe gắn máy trên cho anh Nguyễn Văn Q. Ngày 16/08/2023, C1 mua xe gắn máy trên của anh Q để sử dụng cho bản thân không liên quan đến hành vi phạm tội.

- 01 xe gắn máy biển số 70C1-027.30, số khung: RLCE1S9A0BY015570, số máy: 1S9A-015573 của C1 mua trên mạng dùng làm phương tiện để đi cướp giật tài sản. Qua xác minh biển số 70C1-027.30 được biết xe gắn máy trên do anh Nguyễn Hồng L2 đứng tên giấy đăng ký xe. Năm 2023, anh L2 đã bán xe gắn máy trên cho người khác (không rõ lai lịch) nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Đối với số khung: RLCE1S9A0BY015570, số máy: 1S9A-015573 đã bị mài đục lại số, không xác định được số nguyên thủy, qua xác minh được biết của xe gắn máy biển số 59E1-168.86 do anh Nguyễn Thế T4 đứng tên giấy đăng ký xe, hiện nay anh T4 không còn sinh sống tại địa phương. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q1 đã đăng báo tìm chủ sở hữu xe gắn máy biển số 70C1-027.30.

Dữ liệu điện tử:

- 01 đĩa CD lưu giữ hình ảnh Trần Tuấn C1 cướp giật tài sản do anh Vũ Thành Đ giao nộp và không có nhu cầu nhận lại.

- 02 đĩa CD lưu giữ ghi âm, ghi hình Trần Tuấn C1 ngày 08/12/2023 và 05/02/2024.

Trách nhiệm dân sự: chị Nguyễn Thị Thu H đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì. Anh Huỳnh Ngọc T3 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 15.809.556 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 112/CT-VKS ngày 22/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Trần Tuấn C1 về tội “Cướp giật tài sản” theo các điểm d, đ khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Trần Tuấn C1 về tội “Cướp giật tài sản”. Sau

khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm d, đ khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Trần Tuấn C1 từ 06 năm đến 07 năm tù; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về xử lý vật chứng, đề nghị xử lý theo quy định pháp luật. Về trách nhiệm dân sự, do bị hại Nguyễn Thị Thu H đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì nên không xem xét. Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại Huỳnh Ngọc T3 số tiền 15.809.556 đồng là trị giá tài sản bị chiếm đoạt.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Q1, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai các bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định: Vào ngày 17/7/2023, tại địa bàn huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Trần Tuấn C1 đã thực hiện hành vi điều khiển xe gắn máy công khai chiếm đoạt 01 sợi dây chuyền vàng 18K, cân nặng 4,676 chỉ, trị giá 15.809.556 đồng của anh Huỳnh Ngọc T3. Đến ngày 30/7/2023, tại địa bàn Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi điều khiển xe gắn máy công khai chiếm đoạt 01 túi xách màu xám ghi chữ GCICU, trị giá 70.000 đồng, bên trong có 02 thiệp cưới và số tiền 100.000 đồng của chị Nguyễn Thị Thu H. Tổng trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt trong 02 lần nêu trên là 15.979.556 đồng.

Ngoài ra, khi bị bắt tạm giữ, có tạm giữ của bị cáo 01 dây chuyền bằng kim loại màu vàng dài 60cm, khối lượng 19,893g, hàm lượng 61,32%, trị giá 18.280.340 đồng. Quá trình điều tra, bị cáo khai đây là tài sản bị cáo chiếm đoạt của một người đàn ông (không rõ lai lịch) tại giao lộ P - Nguyễn Văn L3, ấp D, xã B, huyện B.

[3] Bị cáo sử dụng xe gắn máy làm phương tiện phạm tội nên hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp “*Dùng thủ đoạn nguy hiểm*”. Trong lúc bị truy đuổi, bị cáo còn dùng bình xịt hơi cay để xịt về phía bị hại nhằm chống trả, ngăn cản sự truy đuổi để tẩu thoát, do đó hành vi này được xác định là tình tiết “*Hành hung để tẩu thoát*”.

[4] Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định về tội “Cướp giật tài sản” như sau:

“1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

...

d) Dùng thủ đoạn nguy hiểm;

đ) Hành hung để tẩu thoát;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.”

[5] Bị cáo đã thực hiện ít nhất 02 lần chiếm đoạt tài sản và trị giá tài sản các lần chiếm đoạt đều có trị giá dưới 50.000.000 đồng, do đó hành vi của bị cáo được xác định là “*phạm tội 02 lần trở lên*”, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Ngoài ra, bị cáo còn có nhân thân xấu, đã từng bị kết án hình sự và bị đưa đi cai nghiện, mặc dù những lần bị kết án này không coi là án tích nhưng Hội đồng xét xử cũng xem xét để có mức hình phạt phù hợp với nhân thân bị cáo.

[7] Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Như vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định hành vi của bị cáo Trần Tuấn C1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản”, tội phạm được quy định tại các điểm d, đ khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[8] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Xét tính nghiêm trọng của tội phạm mà các bị cáo đã thực hiện, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định bằng hình phạt tù có thời hạn nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa phạm tội mới; đồng thời phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm trong xã hội.

[9] Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội “Cướp giật tài sản” là có cơ sở, đúng người, đúng tội. Mức hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội nên có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản chiếm đoạt trong lần thứ 03 đã được thu hồi trả lại cho bị hại. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

[10] Xét thấy, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định, điều kiện kinh tế còn khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[11] Về xử lý vật chứng:

- Trong các tài sản do bị cáo chiếm đoạt của các bị hại có 01 túi xách màu xám ghi chữ GCICU, 02 thiệp cưới và số tiền 100.000 đồng là tài sản của bị hại Nguyễn Thị Thu H bị cướp giật. Ngày 08/03/2024, Cơ quan điều tra đã xử lý bằng hình thức trả lại cho chị Nguyễn Thị Thu H. Chị H không có ý kiến, yêu cầu gì liên quan đến việc tạm giữ, xử lý vật chứng này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Xe gắn máy hiệu Exciter, biển số: 70C1-027.30 (không phải biển số đăng ký theo xe), biển số 70C1-027.30 do anh Nguyễn Hồng L2 đứng tên đăng ký. Anh L2 cho biết, năm 2023 anh đã bán xe gắn máy trên cho người khác (không rõ lai lịch) nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Qua điều tra xác định, xe có số khung: RLCE1S9A0BY015570, số máy: 1S9A-015573 đã bị mài đục lại số, không xác định được số nguyên thủy. Qua xác minh được biết, xe gắn máy hiệu Exciter có số khung: RLCE1S9A0BY015570, số máy: 1S9A-015573 có biển số là 59E1-168.86 do anh Nguyễn Thế T4 đứng tên giấy đăng ký xe, hiện nay anh T4 không còn sinh sống tại địa phương. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q1 đã đăng báo tìm chủ sở hữu xe gắn máy biển số 70C1-027.30 nhưng chưa có kết quả. Xét xe này có số khung, số máy đã bị mài đục lại số, không xác định được số nguyên thủy nên Hội đồng xét xử tịch thu sung quỹ đối với chiếc xe có số khung: RLCE1S9A0BY015570, số máy: 1S9A-015573 đã bị mài đục lại số, không xác định được số nguyên thủy. Đối với biển số xe 70C1-027.30, Hội đồng xét xử tuyên tịch thu tiêu hủy biển số xe 70C1-027.30 do đến nay không xác định được chủ sở hữu.

+ 01 xe gắn máy biển số 59Y1-236.16, số khung: RLCE1S9A0CY022030, số máy: 1S9A-022039 thu giữ của bị cáo. Qua điều tra xác định, xe này bị cáo sử dụng cho bản thân không liên quan đến hành vi phạm tội nên Hội đồng xét xử tuyên trả lại cho bị cáo.

+ 01 con dao tự chế của bị cáo dùng để đi cướp giật tài sản; 02 nón bảo hiểm màu trắng có chữ Piaggio của bị cáo sử dụng khi đi cướp giật tài sản. Xét đây là công cụ phạm tội và là vật dụng bị cáo sử dụng khi thực hiện hành vi phạm tội, xét không có giá trị sử dụng nên Hội đồng xét xử tuyên tịch thu tiêu hủy.

+ 01 dây chuyền bằng kim loại vàng dài 60cm, trọng lượng 19,893g, hàm lượng 61,32%, quá trình điều tra, bị cáo khai đây là tài sản bị cáo chiếm đoạt của một người đàn ông (không rõ lai lịch) tại giao lộ P - Nguyễn Văn L3, ấp D, xã B, huyện B. Đến nay, không tiếp nhận ai đến trình báo về việc bị cướp giật tài sản. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã gửi Công văn đăng báo tìm bị hại nhưng chưa có ai liên hệ. Xét chưa xác định được chủ sở hữu hợp pháp của tài sản trên nên cần tiếp tục đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng tìm chủ sở hữu hợp pháp trong thời hạn 01 năm, hết thời hạn trên không có người nhận hợp pháp thì tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[12] Đối với chị Trần Hiền D là chủ tiệm V khai nhận không mua sợi dây chuyền do Trần Tuấn C1 phạm tội nên không có căn cứ để xử lý hình sự là phù hợp quy định pháp luật.

[13] Đối với 01 nam thanh niên tên Ngô Hoàng P chạy xe đến số 238/2 L, Phường F, Quận H để đón Trần Tuấn C1 đi về, qua xác minh hiện nay P không có mặt tại địa phương nên chưa có lời khai. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q1 đã ra quyết định truy tìm, khi nào bắt được nếu có cơ sở sẽ xem xét xử lý sau.

[14] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Thị Thu H đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị hại Huỳnh Ngọc T3 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 15.809.556 đồng (trị giá của sợi dây chuyền bị chiếm đoạt). Xét thấy, thiệt hại của bị hại là do hành vi phạm tội bị cáo gây ra, yêu cầu của bị hại là có cơ sở vì phù hợp với kết quả điều tra, kết luận định giá tài sản nên có căn cứ chấp nhận. Tại phiên tòa, bị cáo cũng đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại Huỳnh Ngọc T3 số tiền 15.809.556 đồng.

[15] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ quy định tại Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các điểm d, đ khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Trần Tuấn C1 06 (sáu) năm tù, về tội “Cướp giật tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 21/8/2023.

- Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; các điều 221, 228 Bộ luật Dân sự.

Tịch thu tiêu hủy:

- Biển số xe 70C1-027.30;
- 01 con dao tự chế;
- 02 nón bảo hiểm màu trắng có chữ Piaggio;

Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 xe gắn máy có số khung: RLCE1S9A0BY015570, số máy: 1S9A-015573;

Trả lại cho bị cáo: 01 xe gắn máy biển số 59Y1-236.16, số khung: RLCE1S9A0CY022030, số máy: 1S9A-022039.

Tiếp tục tạm giữ và đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng thời hạn 01 năm tìm chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp của 01 dây chuyền bằng kim loại vàng dài 60cm, trọng lượng 19,893g, hàm lượng 61,32%. Hết thời hạn trên không có người nhận hợp pháp thì tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

(Theo biên bản giao - nhận tang tài vật ngày 22/5/2024 và theo Công văn số 2388-CQCSĐT-HS ngày 10/5/2024).

- Căn cứ vào Điều 48 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các điều 357, 468, 584, 590 của Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Trần Tuấn C1 bồi thường cho bị hại Huỳnh Ngọc T3 số tiền 15.809.556 (mười lăm triệu tám trăm lẻ chín ngàn năm trăm năm mươi sáu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Căn cứ vào các điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Trần Tuấn C1 nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 790.478 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKS ND Quận 8;
- VKS ND TP. HCM;
- CQĐT CA Quận 8;
- CQ THA HS CA Quận 8;
- Chi cục THA DS Quận 8;
- Người tham gia tố tụng khác;
- TAND TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- PC53;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phúc